

LỆNH ngày 14-7-1981 công bố Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng.

**HỘI ĐỒNG NHÀ NƯỚC
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Căn cứ vào điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và điều 34 của Luật tổ chức Quốc hội và Hội đồng Nhà nước,

NAY CÔNG BỐ

Luật tổ chức Hội đồng bộ trưởng đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1981.

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 1981

Hội đồng Nhà nước

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chủ tịch

TRƯỜNG-CHINH

LUẬT

**tổ chức Hội đồng bộ trưởng
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.**

Căn cứ vào chương VIII của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, luật này quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng bộ trưởng.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Hội đồng bộ trưởng là Chính phủ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan chấp hành và hành chính Nhà nước cao nhất của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất.

Hội đồng bộ trưởng thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của Nhà nước; tăng cường hiệu lực của bộ máy Nhà nước từ trung ương đến cơ sở; bảo đảm việc tôn trọng và chấp hành pháp luật; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân; bảo đảm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Điều 2

Hội đồng bộ trưởng do Quốc hội bầu ra tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội.

Hội đồng bộ trưởng gồm có :

- Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ;
- Các phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng ;
- Các bộ trưởng và chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước.

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng là đại biểu Quốc hội; các thành viên khác của Hội đồng bộ trưởng chủ yếu chọn trong số các đại biểu Quốc hội.

Điều 3

Nhiệm kỳ của Hội đồng bộ trưởng theo nhiệm kỳ của Quốc hội.

Khi Quốc hội hết nhiệm kỳ, Hội đồng bộ trưởng tiếp tục làm nhiệm vụ cho đến khi Quốc hội khóa mới bầu ra Hội đồng bộ trưởng mới.

Điều 4

Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Quốc hội; trong thời gian Quốc hội không họp thì chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng Nhà nước.

Điều 5

Hội đồng bộ trưởng tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, đồng thời phát huy tính chủ động của các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng.

Hội đồng bộ trưởng quyết định tập thể các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân của mỗi thành viên Hội đồng bộ trưởng về phần công tác được giao và phần tham gia vào công việc chung của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 6

Hội đồng bộ trưởng quản lý các mặt công tác theo Hiến pháp và pháp luật, không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa; ngăn ngừa, khắc phục tệ quan liêu và các biểu hiện tiêu cực khác trong các cơ quan Nhà nước và nhân viên Nhà nước.

Khi thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng bộ trưởng dựa vào Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Chương II**NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG****Điều 7**

Hội đồng bộ trưởng kết hợp các biện pháp hành chính, kinh tế, tổ chức và giáo dục để thực hiện những nhiệm vụ và sử dụng những quyền hạn được quy định ở điều 107 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 8

Về kinh tế, Hội đồng bộ trưởng :

1. Lãnh đạo và quản lý nền kinh tế quốc dân theo quy hoạch và kế hoạch thống nhất trong cả nước; chỉ đạo việc xây dựng từng bước cơ sở vật chất — kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, xây dựng cơ cấu kinh tế công — nông nghiệp hiện đại; kết hợp kinh tế với quốc phòng; xóa bỏ từng bước sự chênh lệch giữa các dân tộc và các vùng về trình độ phát triển kinh tế; bảo đảm cho nền kinh tế phát triển toàn diện, cân đối, vững chắc, có hiệu quả ngày càng cao;

2. Chuẩn bị các dự án kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hàng năm và dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm trình Quốc hội quyết định; tổ chức thực hiện và bảo đảm hoàn thành các kế hoạch và ngân sách đó;

3. củng cố và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa, kết hợp việc hoàn thiện và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa với phát triển lực lượng sản xuất;

4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản lý kinh tế theo nguyên tắc tập trung dân chủ và nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; thực hành chế độ hạch toán kinh tế và chế độ tiết kiệm;

5. Quyết định những chính sách, chế độ, biện pháp hướng các ngành, các cấp khai thác và sử dụng hợp lý mọi tiềm lực của đất nước, trước hết là phân bố và sử dụng hợp lý lực lượng lao động xã hội;

6. Thi hành chính sách bảo vệ, cải tạo và tái sinh các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ và cải thiện môi trường sống;

7. Thống nhất quản lý tài chính, tiền tệ, tín dụng, thị trường và giá cả;

8. Thống nhất quản lý mọi quan hệ kinh tế với nước ngoài; thực hiện chế độ Nhà nước độc quyền ngoại thương và chính sách khuyến khích xuất khẩu;

9. Tổ chức và lãnh đạo các công tác kiểm kê, thống kê, kế toán, bảo hiểm Nhà nước và trọng tài Nhà nước về kinh tế;

10. Thống nhất quản lý các công tác tiêu chuẩn hóa, định mức, đo lường.

Điều 9

Về khoa học và kỹ thuật, Hội đồng bộ trưởng :

1. Thống nhất quản lý việc thực hiện đường lối, chính sách và kế hoạch phát triển khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật; thi hành mọi biện pháp khuyến khích nghiên cứu, phát minh, sáng kiến;

2. Chỉ đạo ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, củng cố quốc phòng và phục vụ đời sống nhân dân;

3. Xây dựng công tác thông tin khoa học và dự báo về phát triển khoa học kỹ thuật.

Điều 10

Về văn hóa, thông tin và giáo dục, Hội đồng bộ trưởng :

1. Xây dựng và phát triển nền văn hóa mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, có tính đảng và tính nhân dân; bảo đảm sự phát triển đồng đều về văn hóa giữa các dân tộc và các vùng của đất nước; tạo điều kiện để

nhân dân tham gia sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, đấu tranh chống những biểu hiện không lành mạnh trong đời sống văn hóa; bảo vệ và phát triển những giá trị văn hóa và tinh thần của dân tộc;

2. Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa;
3. Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục thiếu niên, nhi đồng;
4. Hoàn thiện hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa, thực hiện cải cách giáo dục;
5. Phát triển và không ngừng nâng cao trình độ chính trị, tư tưởng và nghệ thuật của công tác thông tin, báo chí, văn nghệ, xuất bản, thư viện, phát thanh, truyền hình, điện ảnh; chú trọng công tác bảo tồn, bảo tàng;
6. Phát triển phong trào thể dục, thể thao và khuyến khích du lịch.

Điều 11

Về đời sống, y tế, xã hội, Hội đồng bộ trưởng:

1. Chăm lo cải thiện đời sống của nhân dân;
2. Từng bước bảo đảm việc làm, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, sinh hoạt của người lao động, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, mở mang sự nghiệp phúc lợi công cộng;
3. Phát triển và hoàn thiện hệ thống bảo vệ sức khỏe của nhân dân trên cơ sở kết hợp y học, dược học hiện đại với y học, dược học cổ truyền của dân tộc;
4. Có chính sách lao động phù hợp với điều kiện của phụ nữ; bảo vệ bà mẹ và trẻ em; vận động sinh đẻ có kế hoạch, bảo đảm phát triển dân số một cách hợp lý;
5. Chăm sóc và giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người và gia đình có công với cách mạng;
6. Thi hành chính sách bảo hiểm xã hội và cứu tế xã hội.

Điều 12

Về quốc phòng, Hội đồng bộ trưởng:

1. Tổ chức quốc phòng toàn dân và xây dựng các lực lượng vũ trang nhân dân;
2. Chỉ đạo và kiểm tra việc thi hành chế độ nghĩa vụ quân sự và các chế độ, chính sách khác về củng cố quốc phòng và tăng cường các lực lượng vũ trang nhân dân;
3. Chăm lo đời sống của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân;
4. Tổ chức thực hiện việc động viên, giới nghiêm và mọi biện pháp cần thiết khác để bảo vệ Tổ quốc.

Điều 13

Về trật tự, an ninh, Hội đồng bộ trưởng:

1. Thi hành các biện pháp cần thiết bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng công an nhân dân vững mạnh;
2. Chỉ đạo và kiểm tra các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức xã hội phòng ngừa và đấu tranh chống những hoạt động phản cách mạng và những tội phạm khác.

Điều 14

Về đối ngoại, Hội đồng bộ trưởng:

1. Tổ chức, quản lý và phối hợp các mặt công tác đối ngoại của Nhà nước;

2. Xác định phương hướng về hợp tác kinh tế, khoa học, kỹ thuật, văn hóa và các mặt khác với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các nước khác và các tổ chức quốc tế;

3. Tổ chức việc đàm phán, ký kết và chỉ đạo thực hiện các điều ước quốc tế.

Điều 15

Về pháp chế xã hội chủ nghĩa, Hội đồng bộ trưởng:

1. Bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật trong các cơ quan Nhà nước, các tổ chức kinh tế, xã hội, các lực lượng vũ trang, trong cán bộ và nhân dân;

2. Bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa; bảo vệ tính mạng, danh dự, nhân phẩm và các quyền lợi chính đáng khác của công dân;

3. Trình các dự án luật trước Quốc hội và các dự án pháp lệnh trước Hội đồng Nhà nước; ban hành các văn bản pháp quy đề thi hành các luật, pháp lệnh và nghị quyết của Quốc hội và Hội đồng Nhà nước;

4. Tổ chức và lãnh đạo công tác tuyên truyền, giáo dục Hiến pháp và pháp luật trong cán bộ, các lực lượng vũ trang và nhân dân;

5. Tổ chức và lãnh đạo công tác thanh tra và kiểm tra của Nhà nước, kết hợp với hoạt động thanh tra và kiểm tra của nhân dân;

6. Quản lý công tác hành chính tư pháp, đào tạo cán bộ pháp lý, xây dựng và phát triển khoa học pháp lý.

Điều 16

Về tổ chức và cán bộ, Hội đồng bộ trưởng:

1. Trình Quốc hội quyết định việc thành lập hoặc bãi bỏ các Bộ, các Ủy ban Nhà nước và thay đổi các thành viên Hội đồng bộ trưởng; giữa hai kỳ họp của Quốc hội thì trình Hội đồng Nhà nước quyết định;

2. Trình Hội đồng Nhà nước phê chuẩn việc thành lập hoặc bãi bỏ các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng;

3. Quy định tổ chức và hoạt động của các Bộ, Ủy ban Nhà nước, cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp; chỉ đạo việc xây dựng, kiện toàn và phát huy hiệu lực bộ máy quản lý Nhà nước từ trung ương đến cơ sở;

4. Quyết định việc phân vạch địa giới các đơn vị hành chính dưới cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;

5. Xây dựng danh mục và tiêu chuẩn cán bộ, nhân viên Nhà nước; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ của Nhà nước và chỉ đạo các ngành, các cấp xây dựng và thực hiện kế hoạch đó; chú trọng đào tạo cán bộ nữ, cán bộ dân tộc thiểu số và cán bộ địa phương;

6. Thực hiện chế độ khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ, nhân viên Nhà nước.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Điều 17

Hội đồng bộ trưởng sinh hoạt định kỳ theo Điều lệ công tác của Hội đồng bộ trưởng.

Trong các phiên họp, Hội đồng bộ trưởng thảo luận và giải quyết các vấn đề cơ bản như sau:

1. Quyết định các chính sách và biện pháp lớn để thực hiện các nhiệm vụ quy định ở chương VIII của Hiến pháp và ở chương II của luật này;
2. Lập các quy hoạch, dự án kế hoạch Nhà nước dài hạn, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm;
3. Lập dự toán ngân sách Nhà nước và quyết toán ngân sách Nhà nước hàng năm;
4. Thông qua dự án luật trình Quốc hội và dự án pháp lệnh trình Hội đồng Nhà nước;
5. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước và các chủ trương, chính sách của Hội đồng bộ trưởng.

Các nghị quyết, nghị định và quyết định của Hội đồng bộ trưởng phải được quá nửa tổng số thành viên của Hội đồng bộ trưởng biểu quyết tán thành.

Điều 18

Hội đồng bộ trưởng lãnh đạo công tác và kiểm tra hoạt động của các Bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng; có quyền đình chỉ việc thi hành và sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định, chỉ thị, thông tư không thích đáng của các Bộ, Ủy ban Nhà nước và cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng.

Điều 19

Hội đồng bộ trưởng và các thành viên của Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm trả lời các chất vấn và kiến nghị của các Hội đồng, các Ủy ban của Quốc hội và của đại biểu Quốc hội.

Các thành viên của Hội đồng bộ trưởng có nhiệm vụ trình bày hoặc cung cấp tư liệu về những vấn đề cần thiết theo yêu cầu của các Hội đồng và các Ủy ban của Quốc hội.

Điều 20

Hội đồng bộ trưởng bảo đảm cho Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương; lãnh đạo Ủy ban nhân dân các cấp làm tròn nhiệm vụ của cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân cùng cấp và cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương; thông báo đều đặn tình hình cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương.

Hội đồng bộ trưởng có quyền đình chỉ việc thi hành những nghị quyết không thích đáng của các Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương, đồng thời đề nghị Hội đồng Nhà nước sửa đổi hoặc bãi bỏ những nghị quyết đó.

Hội đồng bộ trưởng có quyền đình chỉ việc thi hành và sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định và chỉ thị không thích đáng của Ủy ban nhân dân các cấp; nếu Ủy ban nhân dân không nhất trí với quyết định của Hội đồng bộ trưởng thì vẫn phải chấp hành quyết định đó và yêu cầu Hội đồng bộ trưởng xem xét.

Điều 21

Hội đồng bộ trưởng tạo điều kiện thuận lợi để các đoàn thể nhân dân tham gia quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; dựa vào các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng các chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước liên quan đến

các tầng lớp nhân dân; động viên nhân dân thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách và pháp luật đó; cùng với Tổng công đoàn Việt Nam và các đoàn thể nhân dân khác tổ chức và chỉ đạo phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa, khen thưởng kịp thời các đơn vị và cá nhân có thành tích trong sản xuất, chiến đấu và công tác.

Hội đồng bộ trưởng và các thành viên Hội đồng bộ trưởng có trách nhiệm trả lời cho các đoàn thể nhân dân biết kết quả giải quyết những kiến nghị của các đoàn thể.

Điều 22

Thủ trưởng các cơ quan Nhà nước thuộc Hội đồng bộ trưởng không phải là thành viên Hội đồng bộ trưởng được tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng.

Chủ tịch Tổng công đoàn Việt Nam có quyền tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng.

Chủ tịch Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người phụ trách chính của các đoàn thể nhân dân trong Mặt trận được mời tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng khi cần thiết.

Những người tham dự hội nghị Hội đồng bộ trưởng nói trong điều này có quyền phát biểu ý kiến nhưng không biểu quyết.

Điều 23

Cơ quan thường trực của Hội đồng bộ trưởng là Thường vụ Hội đồng bộ trưởng. Thường vụ Hội đồng bộ trưởng gồm có chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, các phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, trong đó có một phó chủ tịch được phân công làm phó chủ tịch thường trực và bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng.

Điều 24

Thường vụ Hội đồng bộ trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Bảo đảm việc thực hiện các nghị quyết, nghị định, quyết định của Hội đồng bộ trưởng;
2. Căn cứ vào nghị quyết của Hội đồng bộ trưởng, giữa hai kỳ họp của Hội đồng bộ trưởng, quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn của Hội đồng bộ trưởng; những quyết định đó phải được báo cáo với Hội đồng bộ trưởng;
3. Chuẩn bị các phiên họp của Hội đồng bộ trưởng.

Điều 25

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng đứng đầu Hội đồng bộ trưởng, lãnh đạo, quản lý và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Hội đồng bộ trưởng; đại diện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong quan hệ quốc tế.

Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng có những nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Triệu tập và chủ tọa hội nghị Hội đồng bộ trưởng, hội nghị Thường vụ Hội đồng bộ trưởng; bảo đảm tính tập thể trong việc thảo luận và giải quyết các công việc của Hội đồng bộ trưởng và Thường vụ Hội đồng bộ trưởng;
2. Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện những quyết định của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bộ trưởng ở các ngành, các cấp;
3. Chỉ đạo và điều hòa, phối hợp công tác của các Bộ, các Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp;

4. Có chế độ làm việc với chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cấp tương đương;
5. Cải tiến lề lối làm việc, đề cao kỷ luật công tác, nâng cao hiệu lực hoạt động của bộ máy Nhà nước;
6. Ban hành các quyết định, chỉ thị và thông tư;
7. Đề nghị với Quốc hội hoặc Hội đồng Nhà nước bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi chức thành viên của Hội đồng bộ trưởng;
8. Bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi chức các thứ trưởng, tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng các tổng cục thuộc Hội đồng bộ trưởng và các chức vụ tương đương;
9. Thành lập các cơ quan giúp việc.

Điều 26

Các phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng giúp chủ tịch Hội đồng bộ trưởng, được chủ tịch phân công điều hòa, phối hợp và kiểm tra, đôn đốc công tác của một số ngành hoặc lĩnh vực công tác.

Khi chủ tịch Hội đồng bộ trưởng vắng mặt, phó chủ tịch thường trực là người quyền chủ tịch Hội đồng bộ trưởng.

Điều 27

Văn phòng Hội đồng bộ trưởng là bộ máy làm việc của Hội đồng bộ trưởng, do bộ trưởng Tổng thư ký Hội đồng bộ trưởng lãnh đạo.

Chương IV

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN NHÀ NƯỚC

Điều 28

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước đứng đầu Bộ, Ủy ban Nhà nước, chịu trách nhiệm trước Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng bộ trưởng về việc quản lý Nhà nước đối với ngành hoặc lĩnh vực công tác được phân công, và cùng với các thành viên khác của Hội đồng bộ trưởng chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng bộ trưởng trước Quốc hội và Hội đồng Nhà nước.

Điều 29

Thực hiện chức năng quản lý ngành hoặc lĩnh vực công tác của mình trong cả nước, bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Lập quy hoạch và dự báo phát triển các kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm;
2. Xây dựng dự án pháp luật, chính sách, chế độ quản lý, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật;
3. Xây dựng dự báo về phát triển khoa học, kỹ thuật; tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng những tiến bộ khoa học, kỹ thuật, những thành tựu của khoa học quản lý;

4. Tổ chức bộ máy quản lý ; tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng và xây dựng tiêu chuẩn, chính sách, chế độ đối với cán bộ, công nhân, viên chức ;
5. Tiến hành việc hợp tác quốc tế về kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật theo chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Điều 30

Bộ trưởng và chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có quyền sử dụng và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng cán bộ, lao động, tiền vốn, vật tư và thiết bị được giao ; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác, kết quả thực hiện kế hoạch và ngân sách của Bộ, Ủy ban Nhà nước.

Bộ trưởng quản lý ngành có trách nhiệm :

1. Chỉ đạo toàn diện các cơ quan, đơn vị do mình trực tiếp quản lý ;
2. Chỉ đạo về nội dung công tác của ngành và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ thuộc quyền quản lý thống nhất của Bộ đối với các cơ quan, đơn vị thuộc ngành do các địa phương trực tiếp quản lý ;
3. Hướng dẫn về nghiệp vụ và kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ thuộc quyền quản lý thống nhất của Bộ đối với các đơn vị thuộc ngành do các Bộ khác trực tiếp quản lý.

Bộ trưởng và chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước làm chức năng quản lý tổng hợp có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở trong cả nước chấp hành các chính sách, chế độ thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách ; đồng thời có trách nhiệm phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi để các Bộ quản lý ngành hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch.

Điều 31

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có quyền ra những quyết định, chỉ thị, thông tư về những vấn đề thuộc chức năng quản lý của mình ; hướng dẫn và kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị trong cả nước thi hành các văn bản đó.

Điều 32

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có nhiệm vụ phối hợp công tác, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau hoàn thành nhiệm vụ và kế hoạch Nhà nước.

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có quyền yêu cầu bộ trưởng hoặc chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước khác sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định trái với nội dung quản lý thống nhất của ngành hoặc lĩnh vực mình phụ trách ; nếu yêu cầu đó không được chấp nhận, thì có quyền kiến nghị với chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 33

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện các nhiệm vụ công tác thuộc ngành hoặc lĩnh vực mình phụ trách.

Theo chức năng của mình, bộ trưởng và chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có trách nhiệm căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước mà cung cấp cán bộ, công nhân kỹ thuật, tiền vốn, vật tư, thiết bị và tạo điều kiện thuận lợi để Ủy ban nhân dân các cấp phát huy tiềm lực của địa phương, hoàn thành kế hoạch và mọi nhiệm vụ công tác ; cùng Ủy ban nhân dân các cấp chăm lo đời sống vật chất và văn hóa của cán bộ, công nhân, viên chức các cơ quan, đơn vị thuộc mình quản lý.

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có quyền yêu cầu Ủy ban nhân dân các cấp sửa đổi hoặc bãi bỏ các quy định trái với nội dung quản lý của ngành hoặc lĩnh vực mình phụ trách; nếu Ủy ban nhân dân không nhất trí với yêu cầu đó, thì kiến nghị với chủ tịch Hội đồng bộ trưởng quyết định.

Điều 34

Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước lãnh đạo Bộ, Ủy ban theo chế độ thủ trưởng. Giúp việc bộ trưởng có các thứ trưởng, trong đó có một thứ trưởng thứ nhất; giúp việc chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước có các phó chủ nhiệm, trong đó có một phó chủ nhiệm thứ nhất và các ủy viên.

Điều 35

Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng có chức năng quản lý ngành hoặc lĩnh vực công tác trong cả nước cũng có những nhiệm vụ và quyền hạn quy định cho các thành viên của Hội đồng bộ trưởng ghi trong các điều 29, 30, 31, 32, 33, 34 của chương IV luật này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 36

Hội đồng bộ trưởng quy định chi tiết thi hành luật này.

Điều 37

Luật này thay thế Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa VII, kỳ họp thứ nhất, thông qua ngày 4 tháng 7 năm 1981.

Chủ tịch Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
NGUYỄN HỮU THỌ